

Một số giải pháp bồi dưỡng nhân sự đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số giáo dục đại học

Nguyễn Hoài Sanh

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Ngày nay, chuyển đổi số (CĐS) là một xu thế tất yếu, diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Mỗi quốc gia dân tộc, tùy thuộc vào điều kiện đặc thù đã CĐS ở những mức độ khác nhau. Ở nước ta, Chính phủ đã công bố Chương trình CĐS Quốc gia, trong đó CĐS trong giáo dục là một lĩnh vực ưu tiên. Để quá trình CĐS trong lĩnh vực giáo dục nói chung, CĐS giáo dục đại học nói riêng, thành công cần có nhiều điều kiện, nhiều yếu tố, trong đó yếu tố con người đóng vai trò quyết định. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định vai trò của nhân tố con người trong CĐS giáo dục đại học và đề xuất một số giải pháp nhằm đào tạo, bồi dưỡng nhân sự đáp ứng yêu cầu của CĐS trong giáo dục đại học.

Từ khóa: Chuyển đổi số, chuyển đổi số giáo dục đại học, giải pháp, nhân sự, bồi dưỡng nhân sự

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuyển đổi số (CĐS) là một xu thế tất yếu khách quan. Một quốc gia, một lĩnh vực sẽ bị tụt hậu, nếu không thực hiện CĐS thành công. Ở Việt Nam, năm 2020, Chính phủ đã công bố “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó xác nhận tầm nhìn đến năm 2030 - “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” [1]. Chương trình cũng xác định giáo dục là lĩnh vực ưu tiên, định hướng “Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác

dạy học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp” [1].

Để đạt được tầm nhìn và mục tiêu trên trong CĐS lĩnh vực giáo dục, từ chương trình CĐS quốc gia, các địa phương, bộ, ngành... phải xây dựng được các chương trình hành động cụ thể và thực hiện quyết liệt, nhất quán. Đó là một quá trình khó khăn, phức tạp với rất nhiều rào cản kể cả khách quan và chủ quan, trong đó có rào cản từ yếu tố con người. Bài viết này bàn về việc đào tạo, bồi dưỡng nhân sự đáp ứng quá trình CĐS trong lĩnh vực giáo dục đại học.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Chuyển đổi số

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) luôn quan tâm đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xem việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học hiện đại vào các

Tác giả liên hệ: TS. Nguyễn Hoài Sanh
Email: sanhnh@hiu.vn

lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội là điều kiện để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề cập nội dung chuyển đổi số là một tất yếu khách quan. Đại hội cũng khẳng định, cùng với sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, CĐS là một trong ba trụ cột thực hiện phát triển nhanh, phát triển bền vững; đồng thời là một trong những khâu đột phá lớn, góp phần “tạo bút phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”.

Trong báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng đề ra 12 định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, định hướng thứ hai xác định: “Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế” [2, tr. 14].

Quan điểm đó tiếp tục được khẳng định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của Đại hội XIII: “Thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, kích cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng quy mô lớn, thúc đẩy tiêu dùng nội địa, giải quyết việc làm” [2, tr. 213].

Đại hội XIII xác định phát triển mạnh hạ tầng xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số; chú trọng đến việc đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao để thực hành CĐS. Đồng thời, xác định: đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị DN [2, tr. 120].

Đó là những quan điểm cơ bản, toàn diện của Đảng về CĐS, có ý nghĩa định hướng, chỉ đạo Chính phủ và toàn xã hội xây dựng các chương trình, kế hoạch và giải pháp cụ thể để triển khai CĐS đối với từng ngành, lĩnh vực đảm bảo hiệu quả, góp phần đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

2.2. Các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Hiện nay, tuy còn có khá nhiều cách hiểu, cách tiếp cận về CĐS trong giáo dục đại học, nhưng nhìn chung CĐS cơ bản được hiểu là một quá trình vận dụng các tiến bộ của công nghệ số vào quá trình quản lý Nhà trường và công tác đào tạo; làm thay đổi căn bản cách quản trị, cách dạy, cách học, đánh giá, tương tác của Nhà trường truyền thống, chuyển dần sang mô hình Nhà trường số. Đối với CĐS giáo dục đại học, về bản chất là quá trình không làm thay đổi sứ mệnh, giá trị cốt lõi của các tổ chức (giáo dục đại học), mà là sự chuyển đổi các hoạt động thông qua công nghệ và nền tảng số. Tức là, quá trình chuyển các hoạt động của Nhà trường từ trực tiếp sang trực tuyến trên nền tảng công nghệ thông tin (CNTT) và công nghệ số. Đó có thể gọi là một cuộc cách mạng trong hình thức quản trị và đào tạo giáo dục đại học.

Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ đã xác định giáo dục là lĩnh vực ưu tiên, bởi lẽ, ngành giáo dục CĐS thành công sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình CĐS quốc gia. Trong hệ thống giáo dục, giáo dục đại học là thuận lợi nhất, có điều kiện nhất trong CĐS. CĐS trong giáo dục đại học được chia thành hai nội dung cơ bản: CĐS trong đào tạo và CĐS trong quản trị cơ sở giáo dục đại học.

Ở đây, chúng tôi nghiên cứu phạm vi CĐS trong đào tạo đại học, tập trung vào các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số trong đào tạo đại học. Theo đó, Chính phủ đã xác định các chỉ tiêu CĐS trong đào tạo đại học đến năm 2025 rất cụ thể:

- “Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- + Hình thành một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh, sinh viên sử dụng;

+ Hơn 50% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

+ Tỷ trọng lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học đạt trung bình 20%;

+ Trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%) [3].

Như vậy, phát triển giáo dục trực tuyến chính là định hướng, củng cố nội dung cơ bản của CĐS trong đào tạo đại học, theo đó, các quá trình dạy - học dần chuyển qua môi trường trực tuyến. Bên cạnh đó, để triển khai CĐS tại các cơ sở giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) cũng ra Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá CĐS với các mức độ khác nhau từ thấp đến cao. Theo đó, đối với CĐS trong đào tạo đại học, có 8 tiêu chí, 100 điểm.

Về mức độ, chuyển đổi số được đánh giá theo từng nhóm tiêu chí thành phần, thang điểm 100, có 03 mức như sau:

- “Mức chưa đáp ứng: Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí dưới 50. Ở mức này, cơ sở giáo dục đại học chưa đáp ứng các yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng cơ bản: Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí từ 50 đến 75. Ở mức này, các cơ sở giáo dục đại học đã đáp ứng yêu cầu cơ bản về triển khai chuyển đổi số.

- Mức đáp ứng tốt: Tổng điểm của mỗi nhóm tiêu chí trên 75. Ở mức này, các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản và một số yêu cầu nâng cao về triển khai chuyển đổi số” [4].

Có thể nói, với bộ tiêu chí đánh giá này, các cơ sở giáo dục đại học có căn cứ pháp lý để thực hiện CĐS đúng với định hướng chung của BGDĐT. Căn cứ vào các tiêu chí đó, mỗi Trường đều có thể tự đánh giá mức độ CĐS của mình, những cái đã làm được, làm được những mức độ nào, những cái chưa làm được, hoặc đã làm nhưng mức độ còn thấp, trên cơ sở đó xác định các giải pháp để tiếp tục CĐS đáp ứng yêu cầu. Để giáo dục đại học đạt được mục tiêu với các

tiêu chí như trên, cần rất nhiều yếu tố, điều kiện, trong đó yếu tố con người đóng vai trò quyết định.

2.3. Những khó khăn của các cơ sở giáo dục đại học về đào tạo, bồi dưỡng nhân sự trong bối cảnh chuyển đổi số

Khó khăn thứ nhất liên quan đến đội ngũ quản lý chuyển đổi số và đội ngũ trong các bộ phận hỗ trợ thiếu hoặc không đủ khả năng triển khai sử dụng các nền tảng kỹ thuật số. Kế đến là trình độ kỹ thuật số còn hạn chế của đội ngũ giảng viên, đặc biệt đội ngũ giảng viên ở độ tuổi trung niên trở lên, mặc dù có nhiều kinh nghiệm trên lĩnh vực chuyên môn nhưng khả năng tiếp cận và thích ứng với công nghệ còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, thiếu các chuyên gia đầu ngành để đào tạo, bồi dưỡng cho các nhân sự khác.

Vấn đề cuối cùng là khoảng cách thể hệ giữa các sinh viên được coi là thành thạo công nghệ số và các giảng viên, sinh viên phải thích ứng và học cách sử dụng công nghệ. Sự chênh lệch thể hệ này tạo ra những rào cản đáng kể về tâm sinh lý đối với các bên tham gia trong truyền tải và tiếp nhận kiến thức.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Nghiên cứu thông qua phương pháp định tính là tổng hợp và phân tích lý thuyết, khái quát hóa những nhận định khoa học dựa trên cơ sở định hướng CĐS quốc gia trong lĩnh vực giáo dục và các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá mức độ CĐS ở cơ sở giáo dục đại học để xác định vai trò của nguồn nhân lực trong quá trình triển khai CĐS, xem nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết để đạt đến các mục tiêu CĐS mà cơ sở giáo dục đại học hướng đến. Từ đó, đề xuất một số giải pháp bồi dưỡng nguồn nhân lực hướng đến đáp ứng yêu cầu trong thực thi CĐS ở cơ sở giáo dục đại học giai đoạn hiện nay.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

4.1. Giải pháp nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Luận điểm “Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số. Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức” [1], được trích ở mục III - (Quan điểm) trong Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Hai năm sau, ngày 28 tháng 01 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 146/QĐ-TTg, Phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong quyết định này, quan điểm trên tiếp tục được khẳng định: “Nâng cao nhận thức là tiên quyết để thực hiện chuyển đổi số vì nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số” [5]. Theo đó, phải “Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo và cán bộ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số” [5].

Tại sao Chính phủ lại nhấn mạnh đến yếu tố nhận thức, xem đó là yếu tố đóng vai trò quyết định trong CĐS? Và chuyển đổi nhận thức về CĐS phải được hiểu như thế nào cho đầy đủ? Chúng ta biết rằng, trong bất cứ chương trình, chiến lược nào của quốc gia, yếu tố con người đều đóng vai trò quyết định. Khi yếu tố nguồn nhân lực không đảm bảo thì chương trình, chiến lược đó sẽ không đạt kết quả như mong muốn. Nhưng trong chương trình CĐS quốc gia, yếu tố con người, nguồn nhân lực không được nói đến một cách chung chung, mà đã được nhấn mạnh rất rõ ràng, tiên quyết: yếu tố nhận thức. Điều đó chứng tỏ, Chính phủ nhận thấy, vấn đề trước hết đối với CĐS chính là rào cản về mặt nhận thức. Khi nhận thức chưa thông, chưa thấy được tính tất yếu cũng như những giá trị nhiều mặt mà CĐS mang lại đối với đời sống xã hội thì CĐS trên thực tiễn sẽ không thể đạt kết quả như kỳ vọng. Chính vì vậy, “chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức”. “Một cơ quan, tổ chức có thể tiến hành chuyển đổi số ngay thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hóa toàn bộ tài sản thông tin của mình, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

Mỗi cơ quan, tổ chức và cả quốc gia tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, trong đó, việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương có ý nghĩa sống còn, là cơ hội

để phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương và nâng cao thứ hạng quốc gia. Đi nhanh, đi trước giúp dễ thu hút nguồn lực. Nếu đi chậm, đi sau, khi chuyển đổi số đã trở thành xu hướng phổ biến thì nguồn lực trở nên khan hiếm, cơ hội ít đi, sẽ bỏ lỡ cơ hội phát triển” [1].

Như vậy, chuyển đổi nhận thức, trước hết là ở các cấp quản lý từ trung ương tới địa phương. Phải nhìn nhận CĐS quốc gia, trong đó ưu tiên CĐS lĩnh vực giáo dục, là xu thế khách quan, phổ biến, cũng là yêu cầu khách quan của công cuộc CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0. Sự chuyển đổi nhận thức của các cấp quản lý đã được thể hiện bằng các văn bản, các nghị quyết, quy định, quyết định như đã dẫn. Nhận thức đó phải được tác động tới mỗi thành tố trong giáo dục đại học, từ cơ quan quản lý nhà nước, các nhà đầu tư, ban giám hiệu các cơ sở giáo dục tới mỗi giảng viên, nhân viên. Đặc biệt phải thay đổi nhận thức của cộng đồng, của người học đối với CĐS, tránh việc nhìn nhận phiến diện, hoài nghi CĐS, đồng thời cũng tránh tư tưởng cực đoan phủ nhận truyền thống trong giáo dục đại học. Muốn vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng tạo ra sự đồng thuận trong xã hội, là hết sức cần thiết và phải xem là đi trước trong quá trình CĐS, như tinh thần của Chính phủ thể hiện qua chương trình CĐS quốc gia.

Chúng tôi cho rằng, việc chuyển đổi nhận thức về CĐS trong giáo dục, không chỉ nói chung chung, mà tùy vào vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các thành tố trong giáo dục đại học, phải có sự chuyển đổi nhận thức với những nội dung, hành động kịp thời, phù hợp:

-Thứ nhất, chuyển đổi nhận thức của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

CĐS trong lĩnh vực giáo dục đã được xác định là lĩnh vực ưu tiên trong chương trình CĐS quốc gia, tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, cách tổ chức thực hiện... cũng đã được xác định rõ trong văn bản nói trên. Tuy nhiên, để CĐS trong giáo dục đại học thực sự đem lại hiệu quả thực tế, cần có một cuộc cách mạng trong vấn đề này của cơ quan quản lý nhà nước. Từ việc quán triệt các quan điểm, chiến lược, chương trình của Chính phủ, BGDDT cần thiết phải xây dựng kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, lộ trình cụ thể cho

toàn ngành cũng như mỗi bậc học, phù hợp với đặc điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của bậc học. Đồng thời phối hợp với các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc CĐS ở các cơ sở giáo dục qua từng giai đoạn để có tổng kết, đánh giá và đưa ra các hướng dẫn, giải pháp khi cần thiết nhằm đạt mục tiêu, hiệu quả của CĐS trong ngành Giáo dục, góp phần quan trọng CĐS Quốc gia.

Đối với giáo dục đại học, từ những vấn đề cơ bản nhất của CĐS đã được Chính phủ xác định, Bộ GDĐT đã ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá CĐS cơ sở giáo dục đại học. Đây là văn bản quan trọng, định hướng thống nhất các tiêu chí để các trường căn cứ thực hiện việc CĐS trong công tác quản lý và công tác đào tạo của họ. Nhưng BGDĐT cần ban hành hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ để tạo hành lang pháp lý giúp các cơ sở giáo dục đại học chuyển đổi mạnh mẽ, căn bản và đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các bên: cơ quan quản lý nhà nước, nhà đầu tư, Nhà trường, người học. Ví dụ vấn đề pháp lý trong cấp phát văn bằng, chứng chỉ như thế nào, có gì khác với đào tạo trực tiếp hay không? Điều kiện cấp bằng đại học đối với ngành được đào tạo 100% bằng hình thức trực tuyến, nhất là đối với các ngành đặc thù như các ngành sức khỏe, các ngành đào tạo giáo viên, các ngành đòi hỏi phải thực hành nhiều như thể dục thể thao, âm nhạc, mỹ thuật... như thế nào? Vấn đề học phí giữa đào tạo trực tuyến với đào tạo trực tiếp? Vấn đề chống gian lận trong quá trình tham gia học tập, kiểm tra, đánh giá.

Ngoài ra cũng cần thiết có các quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức người dạy, người học; bảo vệ thông tin cá nhân, an ninh thông tin trên môi trường mạng; sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả; chất lượng việc dạy - học trên môi trường mạng... Các quy định liên quan đến điều kiện tổ chức dạy - học, tính pháp lý và công nhận kết quả khi dạy - học trực tuyến; các quy định về chuyên môn: quy định chương trình, thời lượng, kiểm tra đánh giá, kiểm định chất lượng, điều kiện tổ chức lớp học, trường học trên môi trường mạng (kể cả ngắn hạn và dài hạn).

Tóm lại, cần phải có đầy đủ hệ thống các văn bản quản lý, điều hành các hoạt động dạy - học, kiểm tra, đánh giá, đảm bảo chất lượng như đã có (đối với dạy

- học trực tiếp), để điều chỉnh hoạt động đào tạo trực tuyến. Chừng nào hệ thống văn bản pháp lý chưa đầy đủ, chưa hoàn chỉnh thì việc thực hiện CĐS trong đào tạo đại học sẽ gặp khó khăn cả về sự đồng thuận của xã hội và cả việc triển khai thực hiện của các cơ sở giáo dục đại học.

Giáo dục đại học là lĩnh vực liên quan đến nhiều thành tố trong xã hội, vì vậy việc cơ quan quản lý thay đổi tư duy đối với lĩnh vực này là rất quan trọng, không chỉ làm thay đổi các trường, mà thay đổi cả tư duy của phụ huynh, sinh viên và cả các nhà tuyển dụng, nhất là lĩnh vực công. Như vậy, có thể nói, việc thay đổi tư duy, quan điểm của cơ quan quản lý nhà nước đối với CĐS trong giáo dục đại học chính là yếu tố tiên quyết. Chỉ đến khi cơ quan quản lý nhà nước khẳng định bằng văn bản có giá trị pháp lý công nhận tính ưu việt, hợp pháp của một phần hoặc toàn bộ quá trình đào tạo trực tuyến thì lúc đó người sử dụng dịch vụ mới chấp nhận hình thức này như một sự thay thế/chuyển tiếp hợp pháp quá trình dạy học truyền thống.

Với tinh thần đó, Chính phủ đã xác định nhiệm vụ: “Chuyển đổi nhận thức về sứ mệnh, sự cần thiết, tính cấp bách của chuyển đổi số trong xã hội, lan truyền từ điểm tới diện, từ một nhóm tổ chức, cá nhân tiên phong tới cộng đồng, bằng những câu chuyện thành công điển hình, có tính thuyết phục cao, bao gồm:

+ Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững...” [1].

- Thứ 2, chuyển đổi nhận thức của các cơ sở giáo dục đại học.

Các cơ sở giáo dục đại học là chủ thể của quá trình

CĐS trong đào tạo đại học. Vì thế, nếu họ không chuyển đổi nhận thức trong CĐS thì chắc chắn việc CĐS sẽ không thành công. Chuyển đổi nhận thức của các cơ sở giáo dục đại học không chỉ là nhận thức, là tư duy, quan điểm của lãnh đạo nhà trường mà là thay đổi cả hệ sinh thái của nó. Trong đó, lãnh đạo Nhà trường là đầu tàu có vai trò chỉ đạo, thúc đẩy các phòng, ban, bộ phận chức năng tới các khoa, viện, bộ môn, mỗi cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng, ý nghĩa, cách thức vận hành của CĐS trong đào tạo và trách nhiệm, phần việc của mỗi bộ phận, tổ chức, cá nhân như thế nào. Đó là một quá trình chuyển đổi có tính cách mạng, đối mặt với một số khó khăn sau đây:

+ Giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, đã có quá trình tồn tại, phát triển khá lâu dài ở nước ta. Lịch sử phát triển đó, là một thế mạnh, thể hiện bề dày kinh nghiệm trong công tác đào tạo, nhưng cũng là một khó khăn khi đứng trước việc thay đổi. Chính vì vậy, chuyển đổi nhận thức ở đây, trước hết là nhìn nhận quá trình đổi mới trong đào tạo đại học, là một xu thế tất yếu để phù hợp với thời đại mới, khi khoa học công nghệ phát triển như vũ bão và đang làm thay đổi nhanh chóng mọi mặt của cuộc sống, không riêng gì lĩnh vực đào tạo. Khi công nghệ hiện đại len lỏi vào mọi hoạt động của con người, với các thiết bị công nghệ thông minh ngày càng phổ biến và giá rẻ, việc dạy - học không thể cứ bảo thủ, không chịu đổi mới.

+ Quan niệm giáo dục truyền thống về Nhà trường là mọi hoạt động diễn ra một cách trực tiếp, người dạy, người học, người quản lý đều trực tiếp trong một môi trường cố định: trường, lớp, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, nhà xưởng... Đó là một mô hình khép kín, trong một không gian, thời gian cố định. Điều này là tất yếu trong bối cảnh khoa học - công nghệ chưa phát triển, chỉ có bằng con đường trực tiếp, người học, người dạy mới thực hiện được nhiệm vụ dạy học thiên về truyền thụ kiến thức; người dạy (truyền thụ, cung cấp kiến thức) - người học (tiếp thu, ghi nhớ, vận dụng). Trong bối cảnh đó, kiến thức của người thầy gần như là kênh cung cấp chính và đôi khi là duy nhất (trong điều kiện tài liệu học tập khan hiếm). Quá trình tổ chức đào tạo này đã hoàn thành vai trò lịch sử của nó, nhưng khi khoa học công nghệ phát triển, nhất là khi Internet và công nghệ số trở

nên ngày càng phổ biến, quan niệm và cách làm truyền thống đó đứng trước thách thức to lớn. Trong công tác đào tạo, nhiều yếu tố, quá trình từ trực tiếp có thể thực hiện trực tuyến. Như vậy không gian lớp học, trường học truyền thống đã thực sự thay đổi, từ khép kín mở rộng thành không gian trực tuyến, nơi người học có thể vào học bất cứ lúc nào, ở đâu với thời gian tùy chọn của họ.

+ Đào tạo trực tuyến dù đã là một xu thế ngày càng phổ biến trên thế giới, nhưng vẫn còn nhiều nghi ngại về chất lượng đào tạo, về sự phát triển toàn diện, về phát triển tâm sinh lý, giao tiếp của người học..., rất nhiều vấn đề được đặt ra. Các chủ thể của quá trình dạy - học tiếp cận xu hướng giáo dục trực tuyến một cách dè dặt; các hành lang pháp lý cũng còn thiếu. Nhưng khi đại dịch Covid- 19 bùng phát trên toàn cầu, việc học tập trực tiếp như truyền thống không thể thực hiện được, các lớp học trực tuyến là cách thức duy nhất để duy trì việc học. Khẩu hiệu “ngừng đến trường, không ngừng học” trở nên một phương châm không thể thay thế. Tuy còn nhiều hạn chế trong đào tạo trực tuyến như cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, phương tiện chưa đảm bảo, ý thức tự giác của người học chưa cao, kinh nghiệm và kiến thức, kỹ năng của người dạy chưa có và rất nhiều lo lắng kèm theo của cha mẹ học sinh, các cấp quản lý về chất lượng và các vấn đề khác, nhưng rõ ràng giáo dục trực tuyến đã mang lại những kết quả nhất định trong một điều kiện bắt buộc, đã làm thay đổi dần nhận thức của mọi người. Rõ ràng, trong nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội, làm việc qua môi trường trực tuyến cũng đem lại hiệu quả cao và đặc biệt phù hợp xét cả các yếu tố khác như vấn đề giao thông, chi phí, ô nhiễm môi trường, sự tiện lợi... Dẫu vậy, giáo dục trực tuyến vẫn mới chỉ được xem là giải pháp tình thế khi không thể giáo dục trực tiếp, như truyền thống. Chính vì vậy, khi điều kiện cho phép, giáo dục trực tiếp truyền thống đã được khôi phục đầy đủ.

Nhưng khi các dịch vụ trực tuyến ngày càng phát triển, mở rộng, ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực của cuộc sống với những lợi ích nhiều mặt, thấy rõ, giáo dục đại học không thể đứng ngoài xu thế đó. Một quốc gia CĐS mạnh mẽ, không thể không CĐS giáo dục và đào tạo; thậm chí phải xem CĐS trong lĩnh vực giáo dục đào tạo là động lực thúc đẩy các lĩnh

vực khác CĐS thành công. Để việc CĐS trở thành chiến lược quốc gia, chiến lược ngành, tránh các thử nghiệm manh mún, tự phát của các cơ sở giáo dục, cần có chỉ đạo thống nhất từ trên xuống và xây dựng hành lang pháp lý để điều chỉnh hoạt động này.

Như vậy, các cơ sở giáo dục đại học không chỉ phải vượt qua được cách nghĩ, cách làm, thói quen đã tồn tại từ lâu mà còn phải vượt qua được, chứng minh được sự ưu việt của CĐS trong đào tạo, thuyết phục người học, người sử dụng dịch vụ và cộng đồng xã hội. Ở đây cũng cần khẳng định rằng, giáo dục trực tuyến không thay đổi hoàn toàn giáo dục trực tiếp, không xóa bỏ giáo dục trực tiếp như truyền thống. Tùy bậc học, ngành học, môn học có thể kết hợp giữa giáo dục trực tiếp và giáo dục trực tuyến; có thể lựa chọn tỷ lệ như thế nào cho phù hợp nhằm phát huy được thế mạnh, thuận lợi của giáo dục trực tuyến kết hợp với trực tiếp truyền thống cũng như các nguồn lực sẵn có. Các cơ sở giáo dục đại học hoàn toàn có thể cung cấp các hình thức dịch vụ giáo dục - đào tạo trực tiếp, trực tuyến hay kết hợp, và người học, người sử dụng dịch vụ có quyền lựa chọn phương thức mà họ mong muốn.

- Thứ ba, chuyển đổi nhận thức của người học và cộng đồng.

So với các bậc học khác, giáo dục đại học có đặc thù riêng. Đó là bậc học mà người học đã trưởng thành, có khả năng tự học, tự nghiên cứu cao. Vì thế, việc chuyển từ học trực tiếp sang học trực tuyến khá thuận lợi. Hơn nữa, việc thiết kế chương trình, kế hoạch học tập của các trường đại học cũng linh hoạt, thuận lợi. Tuy nhiên, trước hết sinh viên phải nhận thức rõ, việc chuyển đổi từ trực tiếp sang trực tuyến không phải là xem nhẹ chất lượng đào tạo, mà đó chỉ là thay đổi phương thức dạy - học. Dù học trực tuyến, sinh viên vẫn phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập và phải đáp ứng đầy đủ các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã được ban hành.

Việc học trực tuyến đòi hỏi người học phải tự giác cao độ, phải luôn chủ động, tự giác và phải rèn luyện các kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng tìm kiếm, khai thác học liệu, kỹ năng làm chủ bản thân trên môi trường số.

Giáo dục đại học là một dịch vụ, các cơ sở giáo dục đại học là đơn vị cung cấp dịch vụ, người học là người

sử dụng dịch vụ và trả phí. Nhưng đầu ra của giáo dục đại học là các nhà sử dụng lao động, là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nói rộng ra là xã hội với yêu cầu ngày càng cao. Chính các nhà sử dụng lao động mới là đơn vị đánh giá chất lượng giáo dục đại học sau cùng chứ không phải là người học. Đầu ra của trường đại học là một phần đầu vào của nguồn nhân lực phục vụ cho các ngành kinh tế - xã hội, các lĩnh vực của đời sống từ sản xuất, kinh doanh tới giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phát triển kinh tế - dịch vụ và an ninh quốc phòng.

Từ trước đến nay, vấn đề chất lượng đào tạo đại học ở nước ta đang bị đánh giá chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Sinh viên ra trường, tuy tốt nghiệp loại khá giỏi, nhưng khi doanh nghiệp tuyển dụng thì không đáp ứng yêu cầu, tổ chức, doanh nghiệp phải đào tạo lại, lãng phí nguồn lực xã hội. Đó là khi sinh viên được đào tạo trực tiếp, có sự hướng dẫn trực tiếp của người thầy trong môi trường quản lý chặt chẽ, trực tiếp. Khi chuyển sang đào tạo trực tuyến, vấn đề chất lượng đào tạo sẽ càng đặt ra cấp bách hơn.

Vậy làm sao để cộng đồng, xã hội thay đổi nhận thức, chấp nhận CĐS trong giáo dục đại học như một giải pháp tốt, nâng cao chất lượng đào tạo; chỉ là phương thức tổ chức đào tạo áp dụng công nghệ số, thuận lợi hơn cho người học, giảm chi phí và góp phần CĐS quốc gia, CĐS không hạ thấp tiêu chuẩn chất lượng của giáo dục đại học, trái lại CĐS để người học có nhiều cơ hội học tập hơn, thuận lợi hơn với môi trường học tập và trao đổi học thuật rộng mở không chỉ với các cơ sở giáo dục khác, người thầy khác, đối tác khác mà cả phạm vi quốc tế, trên nền tảng số. Trên thực tế, cộng đồng, xã hội đã tham gia vào nhiều hoạt động CĐS trong các lĩnh vực khác như dịch vụ công, tài chính ngân hàng, mua bán hàng hóa, dịch vụ... Giáo dục đại học không nằm ngoài xu thế khách quan đó.

Dĩ nhiên, cần có thời gian, cần bằng những kế hoạch truyền thông bài bản từ cả chính quyền và các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt cần có cam kết về chất lượng khi các trường chuyển đổi từng phần sang CĐS. Kèm theo đó là cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nền tảng Internet phải ngày càng được cải tiến để việc tham gia học tập, tìm kiếm tài liệu, khai thác học liệu

của người học ngày càng thuận lợi.

4.2. Giải pháp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số cho cán bộ, giảng viên, nhân viên ở cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, trước hết là giảng viên

Có thể nói, đối với đội ngũ giảng viên, nhân viên trong các trường đại học, việc CDS các quá trình, các thành tố của giáo dục đại học là một thay đổi lớn, toàn diện. Để thực hiện được việc đó, họ phải có kiến thức, kỹ năng cần thiết, chứ không phải chỉ là nhận thức, ý chí. Vì vậy, ngoài vấn đề nhận thức, việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, “nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên” [6] cũng hết sức quan trọng; không có kiến thức, kỹ năng vững vàng thì cũng không thể CDS giáo dục đại học thành công.

UNESCO định nghĩa, *năng lực số là khả năng truy cập, quản trị, thấu hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua công nghệ số để phục vụ cho thị trường lao động phổ thông, các công việc cao cấp và khởi nghiệp kinh doanh*. Nó bao gồm các năng lực thường được biết đến như năng lực sử dụng máy tính, năng lực công nghệ thông tin, năng lực thông tin hay năng lực truyền thông [UNESCO, 2018].

Khung năng lực số của UNESCO được chia làm 7 nhóm năng lực chính, bao gồm: Vận hành thiết bị và phần mềm; Năng lực thông tin và dữ liệu; Giao tiếp và hợp tác; Sáng tạo nội dung số; An ninh; Giải quyết vấn đề; Các năng lực liên quan đến nghề nghiệp. Đó là những kiến thức, kỹ năng cần phải được đào tạo và rèn luyện một cách bài bản trong thời gian dài.

Vấn đề mà các cơ sở giáo dục đại học đều ít nhiều gặp khó khi thực hiện CDS, đó là trình độ và kỹ năng số là thói quen làm việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên. Một thực tế khách quan là trong đội ngũ nhân sự giảng viên đang công tác trong các cơ sở giáo dục đại học hiện nay, bộ phận những giảng viên có chuyên môn cao, có học hàm, học vị và kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh

viên... thường là những người có độ tuổi khá cao. Những nhân sự này thường ít nhiều ngại thay đổi, kỹ năng công nghệ thông tin chỉ ở mức cơ bản, khó tiếp cận được các phần mềm dạy học mới, kỹ thuật mới. Số khác, trẻ hơn, tiếp cận nhanh hơn với công nghệ nhưng hầu hết cũng chưa được đào tạo bài bản về kiến thức và kỹ năng số. Vì vậy, các cơ sở giáo dục đại học phải có các khóa đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng để đội ngũ, trước hết là giảng viên có đầy đủ kiến thức và kỹ năng số. Có quan niệm cho rằng, muốn CDS thành công, người lao động phải có kiến thức công nghệ thông tin, thành thạo máy tính. Điều đó đúng, nhưng chưa đủ.

Đối với giảng viên, chúng tôi cho rằng, cần thiết phải được trang bị, đào tạo lại cả về kỹ năng về công nghệ và phương pháp sư phạm để thực hiện CDS, bao gồm phương pháp giảng dạy theo tiếp cận mới, phương thức vận hành các công cụ trong môi trường số, cách thức biên soạn tài liệu số, xây dựng bài giảng tương tác... Bởi lẽ, một bài giảng đưa lên môi trường số, không thể được biên soạn như một bài giảng thực hiện trong môi trường trực tiếp. Đây là một quá trình cần có nhiều thời gian, cần được chuẩn bị từng bước, thực hiện từng mức độ với các nội dung cụ thể sau: giảng dạy với công nghệ, giảng dạy theo mô hình hỗn hợp, huấn luyện sử dụng công cụ và nền tảng số...; thiết kế, biên soạn lại các môn học theo mô hình dạy học hỗn hợp, mô hình học liệu mở, bài học có tương tác..., trong quá trình đó, cần thiết phải đào tạo, bồi dưỡng được những giảng viên cốt cán, những chuyên gia để họ có thể đào tạo, hướng dẫn, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giảng viên của toàn đơn vị.

- Tổ chức các hội thảo khoa học quốc gia/liên trường đại học, phối hợp với doanh nghiệp, trung tâm ứng dụng công nghệ giáo dục... để chia sẻ kinh nghiệm trong CDS.

Vấn đề đặt ra đối với với nhiều cơ sở giáo dục đại học hiện nay là việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số cho nhân sự, cũng là một thách thức, trong bối cảnh nhiệm vụ tuyển sinh - đào tạo là liên tục, không gián đoạn. Bởi lẽ, thực tế hiện nay chưa có đủ các chuyên gia đầu ngành về CDS trong đào tạo đại học; những chuyên gia như vậy, không chỉ đòi hỏi có kiến thức, kỹ năng về CNTT tốt mà phải có kiến

thức về chuyên môn, về khoa học giáo dục, kinh nghiệm đào tạo.

Giáo dục đại học từ truyền thống đang dần chuyển sang mô hình trực tuyến, không gian lớp học, trường học đang từ khép kín, cố định chuyển dần sang trường học số với không gian rộng mở, không giới hạn. Trong môi trường đó, việc chia sẻ tài nguyên số, chia sẻ nhân lực, kinh nghiệm của các trường cũng trở nên tất yếu và thuận lợi. Thực tế hiện nay, do đặc thù về chuyên ngành đào tạo, về quá trình xây dựng và phát triển, về địa bàn đóng trường (thành phố, trung tâm đô thị lớn hay miền núi...) các cơ sở giáo dục đại học có xuất phát điểm, điều kiện để CĐS khác nhau. Trong bối cảnh đó, các cơ sở giáo dục đại học có điều kiện thuận lợi, có các chuyên gia đầu ngành về CĐS phải được tập hợp dưới tổ chức thống nhất để đào tạo, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho đội ngũ các cơ sở giáo dục khác khó khăn hơn.

5. KẾT LUẬN

Rõ ràng, CĐS trong đào tạo đại học, là một xu thế khách quan. Để quá trình đó diễn ra nhanh chóng, hiệu quả, góp phần thúc đẩy CĐS Quốc gia, đòi hỏi cả cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, các cơ sở

giáo dục đại học đến mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên và cộng đồng thay đổi nhận thức, tư duy, xác định quan điểm CĐS là yêu cầu sống còn, để nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra cơ hội, môi trường học tập thuận lợi, tiết kiệm cho người học và xã hội. Bên cạnh đó, việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, giảng viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu ngày càng cao là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa có tính thường xuyên, liên tục của các cơ sở giáo dục đại học.

Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả trong bồi dưỡng nhân sự đáp ứng yêu cầu CĐS, việc chuyển đổi nhận thức từ các thành phần liên quan là điều kiện tiên quyết cho các tác động về bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng số, về hợp tác hỗ trợ công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm để thực thi thành công quá trình chuyển đổi số.

Tóm lại, CĐS là một quá trình cần phải tiến hành từng bước, có lộ trình, áp dụng kết hợp thích hợp đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến đối với các ngành/môn học đặc thù; tuyệt đối tránh khuynh hướng bảo thủ cho rằng không thể CĐS đào tạo đại học thành công, đồng thời cũng tránh khuynh hướng phủ nhận đào tạo truyền thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, 2020.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG, HN., tập 1, 2021.

[3] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"*, 2022.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2022 Ban hành bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học*, 2022.

[5] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 Phê duyệt đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, 2022.

[6] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, NCKH góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025"*, 2017.

Some human resource solutions to Meet digital transformation requirements for higher education

Nguyen Hoai Sanh

ABSTRACT

Today, digital transformation is an inevitable trend, taking place on a global scale. Each nation and ethnic group, depending on specific conditions, has carried out digital transformation at different levels and scales. In our country, the Government has announced the National Digital Transformation Program, in which digital transformation in higher education has a priority. The success of digital transformation in the field of education in general, and in higher education in particular, requires many conditions and factors, in which the human factor plays a decisive role. The objective of this study is to determine the role of the human factor in digital transformation in higher education and propose some solutions to train and improve human resources to meet the requirements of digital transformation in higher education.

Keywords: digital transformation, digital transformation in higher education, solutions, human resources training

Received: 15/05/2023

Revised: 02/06/2023

Accepted for publication: 03/06/2023